

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

-----***-----

Lê Thị Hà

HOA VĂN TRANG TRÍ TRÊN ÁO NHẬT BÌNH
TRIỀU NGUYỄN (1802-1945)

Ngành: Lý luận và lịch sử mỹ thuật

Mã số: 9210101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT

Hà Nội - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Thị Thu Phương

Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam

Phản biện 2: PGS.TS Phan Thanh Bình

Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

Phản biện 3: PGS.TS Đoàn Thị Tĩnh

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án họp tại:

Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam

Số 32 Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 31 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH

PGS.TS Đoàn Thị Mỹ Hương

Lê Thị Hà

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- *Thư viện Quốc gia Việt Nam;*
- *Thư viện Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam.*

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nghệ thuật trang trí trên trang phục phản ánh mối quan hệ giữa con người, văn hoá, xã hội thông qua ngôn ngữ tạo hình và tư duy thẩm mỹ. Hoa văn trang trí không đơn thuần mang chức năng làm đẹp mà còn là một hình thức biểu đạt nghệ thuật tiêu biểu, phản ánh sắc thái văn hóa đặc trưng cùng đời sống tinh thần và tín ngưỡng của cộng đồng.

Mỹ thuật cung đình Việt Nam dưới triều Nguyễn đánh dấu giai đoạn định hình rõ bản sắc và tính quy phạm, với sự kết hợp giữa tư duy thẩm mỹ, kỹ nghệ thủ công và triết lý phương Đông. Áo Nhật Bình là loại lễ phục đặc trưng dành cho nữ giới hoàng tộc triều Nguyễn, mang tính biểu trưng về nghi lễ, phẩm vị và giới tính. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào lịch sử trang phục, quy chế và kỹ thuật chế tác; trong khi khía cạnh đặc trưng nghệ thuật và giá trị biểu tượng của hoa văn này vẫn chưa được khảo cứu chuyên sâu và hệ thống.

Trong bối cảnh chiến lược phát triển văn hoá Việt Nam đến năm 2030, nhấn mạnh sự gắn kết giữa bảo tồn, sáng tạo và công nghệ, việc nghiên cứu toàn diện hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn, góp phần định hình cơ sở nhận diện, chuẩn hoá đặc trưng tạo hình, phục vụ cho phục dựng cổ phục, trưng bày bảo tàng, giáo dục mỹ thuật truyền thống, và mở ra khả năng ứng dụng trong thiết kế thời trang, nghệ thuật thị giác và công nghiệp văn hoá sáng tạo.

Từ góc nhìn nghệ thuật và thiết kế đương đại, di sản cung đình nói chung và hoa văn trên áo Nhật Bình nói riêng vừa là đối tượng cần bảo tồn, vừa là nguồn cảm hứng sáng tạo mang giá trị văn hoá - kinh tế, góp phần kết nối giữa truyền thống với sáng tạo đương đại. Trong bối cảnh công nghệ phát triển, việc ứng dụng công nghệ số, số hoá 3D và thiết kế tương tác mở ra hướng tiếp cận mới cho việc lưu giữ và lan toả giá trị di sản.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề tài: *Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình triều Nguyễn (1802-1945)*, nhằm làm rõ đặc trưng nghệ thuật, giá trị thẩm mỹ và xây dựng nền tảng lý luận cho việc kế thừa và sáng tạo trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Mục đích của nghiên cứu này là phân tích và đánh giá đặc trưng nghệ thuật của hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình triều Nguyễn (1802-1945) thông qua khảo sát các yếu tố tạo hình (bố cục, màu sắc, tỷ lệ, mật độ, vị trí...) và kỹ thuật thể hiện. Nghiên cứu làm rõ giá trị tạo hình, vai trò và ý nghĩa thẩm mỹ của hệ hoa văn này trong mỹ thuật truyền thống Việt Nam, đặc biệt trong trang phục và nghệ thuật trang trí cung đình triều Nguyễn.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa và đối chiếu tư liệu liên quan để xây dựng khung lý luận - phân tích về hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình triều Nguyễn.

- Khảo sát hiện vật gốc để nhận diện và phân tích đặc trưng tạo hình, giá trị nghệ thuật và biểu tượng.

- Làm rõ mối quan hệ giữa hình thức biểu đạt với tư tưởng “giới” và quyền năng của người phụ nữ trong xã hội cung đình Nguyễn.

- Đối chiếu các đặc trưng nghệ thuật của hoa văn trên áo Nhật Bình trong tương quan đồng đại và lịch đại để xác định rõ tính kế thừa và bản sắc riêng.

- Khảo sát sự hiện diện và lan toả hoa văn trên áo Nhật Bình trong đời sống đương đại, đánh giá khả năng phát huy giá trị bản sắc trong bối cảnh toàn cầu hoá.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hệ thống hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình triều Nguyễn (1802-1945), tập trung vào các đặc

điểm tạo hình, cấu trúc bố cục, kỹ thuật thể hiện, đề tài và hệ biểu tượng của loại hình hoa văn này.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian*: Khảo sát các mẫu áo Nhật Bình nguyên gốc thuộc các cấp bậc trong xã hội cung đình triều Nguyễn (Hoàng thái hậu, Hoàng hậu, Công chúa; cung tần, mệnh phụ, nữ quan), cùng một số mẫu áo dân gian mô phỏng kiểu thức Nhật Bình. Nguồn hiện vật gồm áo lưu giữ tại bảo tàng: Bảo tàng LSQG, Bảo tàng CVCĐ Huế và sưu tập tư nhân; tham chiếu các tư liệu, hình ảnh trong và ngoài nước.

- *Về thời gian*: Tập trung vào giai đoạn triều Nguyễn (1802-1945) với các mẫu áo hiện vật có niên đại từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX (từ thời Minh Mạng đến thời Bảo Đại), dựa trên các mẫu còn bảo tồn và có thể khảo sát thực chứng.

4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Dựa trên mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, các câu hỏi được đặt ra như sau:

Câu hỏi 1) Các biểu hiện nghệ thuật của hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình được thể hiện như thế nào?

Câu hỏi 2) Đặc trưng nghệ thuật của hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình triều Nguyễn là gì?

Câu hỏi 3) Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình truyền tải ý nghĩa và giá trị nào về nghệ thuật, văn hóa và lịch sử trong bối cảnh cung đình triều Nguyễn và mỹ thuật truyền thống Việt Nam?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Các giả thuyết dưới đây được hình thành như những định hướng ban đầu nhằm giải thích và làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu đã nêu:

Giả thuyết 1: Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình được thể hiện qua nội dung và hình thức. Về nội dung bao gồm năm nhóm đề tài hoa văn: động vật, thực vật và yếu tố tự nhiên, hình học, Hán tự và bát bửu.

Các đề tài này được biểu đạt thông qua ngôn ngữ nghệ thuật (đường nét, hình mảng, bố cục, mật độ, vị trí, màu sắc, chất liệu, kỹ thuật), hình thành hệ nguyên tắc tạo hình mang tính quy phạm, phản ánh đặc trưng thẩm mỹ và phong cách nghệ thuật cung đình triều Nguyễn.

Giả thuyết 2: Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình hội tụ ba đặc trưng nghệ thuật nổi bật, thể hiện bản sắc thẩm mỹ tinh tế của mỹ thuật cung đình triều Nguyễn: (1) Tập hợp nét trong hoa văn chủ đạo là đường cong; (2) Tổ chức bố cục phân tầng, đa hướng; (3) Phong cách trang trí nổi khối trong tạo hình hoa văn.

Giả thuyết 3: Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình là một hệ ngôn ngữ tạo hình tích hợp: vừa mang giá trị tạo hình, vừa biểu đạt ý nghĩa biểu tượng và lịch sử - bản sắc; khẳng định căn tính thẩm mỹ cung đình và khả năng thích ứng, lan toả và tái tạo trong đời sống đương đại.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận nghiên cứu liên ngành

Nghiên cứu vận dụng cách tiếp cận liên ngành, kết hợp lịch sử - xã hội, văn hoá - nhân học, nghệ thuật học - thiết kế và di sản học, trong đó nghệ thuật học giữ vai trò trung tâm để phân tích hệ hoa văn trên áo Nhật Bình trong bối cảnh cung đình triều Nguyễn một cách toàn diện.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

5.2.1. Phương pháp lấy mẫu

Lấy mẫu được triển khai nhằm đảm bảo tính đại diện và ghi nhận biến thiên của hiện vật, kết hợp bốn cách lấy mẫu: lấy mẫu có chủ đích phân tầng; trường hợp đặc trưng; tối đa hóa sự biến thiên; và quả cầu tuyết. Việc chọn mẫu được sắp xếp theo loại hình (hiện vật gốc, phục dựng, ứng dụng đương đại), vùng miền (Bắc - Trung - Nam) và cấp bậc nghi lễ, giúp mở rộng phổ mẫu đồng thời đảm bảo chiều sâu phân tích.

5.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu được thu thập qua ba nhóm phương pháp chính:

* *Phương pháp điền dã* khảo sát hiện vật tại các Bảo tàng Cổ vật cung đình Huế, Bảo tàng lịch sử Quốc gia và lăng mộ hoàng tộc; đối chiếu với sưu tập tư nhân uy tín; phỏng vấn bán cấu trúc nghệ nhân tại làng nghề thêu Đông Cứu, làng dệt lụa La Khê.

* *Phương pháp quan sát* được thực hiện trên hiện vật và quy trình chế tác của nghệ nhân, qua đa giác quan (thị giác, xúc giác, khứu giác, thính giác) cùng công cụ kỹ thuật số, ký hoạ và quan sát tham gia - không tham gia.

* *Phương pháp chuyên gia* tham vấn học giả - nghệ nhân và tổ chức tọa đàm khoa học tại trường Đại học nghệ thuật - Đại học Huế, nhằm đối chiếu quan điểm liên ngành, kiểm chứng giả thuyết và mở rộng luận cứ nghiên cứu.

5.2.3. *Phương pháp phân tích dữ liệu*

* *Phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu* đối chiếu các nguồn tư liệu để xác lập cơ sở lý luận và phát hiện khoảng trống nghiên cứu.

* *Phương pháp phân loại và hệ thống hoá lý thuyết* tổ chức dữ liệu thành hệ thống, phân nhóm hoa văn theo cấp bậc, đề tài, kỹ thuật, phong cách để hình thành khung lý thuyết.

* *Phương pháp so sánh đối chiếu* phân tích tương đồng và khác biệt của hoa văn trong tương quan đồng đại và lịch đại nhằm nhận diện đặc trưng bản sắc.

* *Phương pháp đồ họa hoá* trực quan hoá dữ liệu qua sơ đồ, mô hình phân tích giúp khái quát kết quả và củng cố luận điểm học thuật.

6. Đóng góp khoa học của luận án

6.1. Ý nghĩa khoa học

Luận án là công trình tiếp cận một cách chuyên sâu, có hệ thống về hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình dưới góc độ nghệ thuật học - tạo hình, đặt trọng tâm vào đặc trưng thẩm mỹ và ngôn ngữ biểu đạt của trang phục nữ giới cung đình.

Phân tích giúp xác lập luận điểm rằng hoa văn trên áo Nhật Bình

vừa là yếu tố trang trí, vừa là ngôn ngữ biểu đạt quyền năng, phẩm hạnh và lý tưởng nữ giới cung đình triều Nguyễn.

Những phát hiện của nghiên cứu góp phần bổ sung tư liệu khoa học về mỹ thuật cung đình, đồng thời cung cấp cơ sở học thuật cho công tác bảo tồn và sáng tạo đương đại gắn với giá trị thẩm mỹ và bản sắc văn hoá truyền thống Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Nghiên cứu có ý nghĩa học thuật và mang tính ứng dụng cao, đặc biệt trong bảo tồn và tái tạo di sản trang phục nữ giới cung đình...

- Cung cấp tư liệu học thuật giá trị cho các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên trong việc tiếp cận nghệ thuật trang trí hoa văn trên áo Nhật Bình và mỹ thuật cung đình Triều Nguyễn.

- Là cơ sở tham khảo tin cậy cho các cơ quan quản lý văn hóa, bảo tàng, trung tâm bảo tồn và tổ chức trưng bày di sản, công tác phục dựng, số hóa và phát huy di giá trị di sản văn hóa vật thể của Huế và Việt Nam.

- Là nền tảng cho các ứng dụng trong thiết kế sáng tạo và phát triển sản phẩm văn hóa mang giá trị bản sắc, giúp thương hiệu thời trang và sản phẩm thủ công khai thác hiệu quả yếu tố truyền thống để hướng tới phát triển bền vững và giá trị kinh tế.

7. Kết cấu của luận án

Luận án ngoài phần mở đầu (12 trang), kết luận (03 trang), tài liệu tham khảo (17 trang) và phần phụ lục (110 trang), nội dung luận án chia làm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về áo Nhật Bình triều Nguyễn (45 trang)

Chương 2: Nhận diện hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình triều Nguyễn (56 trang)

Chương 3: Đặc trưng, giá trị nghệ thuật và luận bàn về hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình triều Nguyễn (60 trang)

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ ÁO NHẬT BÌNH TRIỀU NGUYỄN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về áo Nhật Bình triều Nguyễn

Hiện nay có nhiều nghiên cứu về áo Nhật Bình ở bình diện lịch sử, văn hoá, di sản và phục dựng; tuy nhiên vẫn ít nghiên cứu tập trung khảo sát hệ thống về hoa văn trang trí. Các nghiên cứu hiện nay về áo Nhật Bình triều Nguyễn chủ yếu tập trung theo ba hướng: (i) sử liệu và quy chế; (ii) văn hóa - di sản; (iii) hiện vật - phục dựng.

Nhóm nghiên cứu thuộc sử liệu chủ yếu khai thác từ hệ thống thư tịch, quy chế cung đình và tiến trình lịch sử trang phục triều Nguyễn như *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Minh Mệnh chính yếu*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, nhằm xác định quy chế phẩm phục, chức năng, chất liệu và màu sắc. Bên cạnh đó, các công trình của Đoàn Thị Tinh (1987, 2006, 2010, 2018); Ngô Đức Thịnh (1994); Trịnh Quang Vũ (2007); Trần Quang Đức (2013) hệ thống hoá tiến trình lịch sử trang phục Việt Nam, được mô tả ở mức tổng quát về hình thức và chức năng sử dụng trong hệ thống lễ phục cung đình, chưa tiếp cận sâu vào phân tích tạo hình và hoa văn của áo Nhật Bình.

Nhóm nghiên cứu văn hóa - di sản tiếp cận áo Nhật Bình như di sản văn hóa phi vật thể của cung đình Huế. Các nghiên cứu của Trần Đức Anh Sơn như “Trang phục vua chúa thời Nguyễn - một nét độc đáo” (1997), *Đại lễ phục Việt Nam thời Nguyễn 1802 - 1945* và Phan Thanh Hải (*Áo Nhật Bình - Một di sản văn hóa quý của cố đô Huế*, 2022), nhấn mạnh giá trị biểu trưng, ký ức văn hóa và tiềm năng hồi sinh loại lễ phục này trong bối cảnh bảo tồn, song cũng chưa bàn sâu đến phương diện thẩm mỹ - nghệ thuật của hoa văn.

Hướng tiếp cận hiện vật và phục dựng chú trọng khảo tả và phục

dựng hiện vật gốc tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia và sưu tầm tư nhân. Các công trình của Huyền Tôn Nữ Tuý Hạnh, Trần Thị Thanh Duy, Hà Oanh cùng dự án UNESCO - Trịnh Bách đã phục dựng nhiều bộ triều phục, trong đó có áo Nhật Bình với độ chính xác cao về chất liệu và kỹ thuật. Tuy vậy, các công trình mới xem đây như tư liệu minh họa cho hệ thống lễ phục cung đình, chưa tiếp cận áo Nhật Bình như một thực thể thẩm mỹ độc lập có cấu trúc tạo hình đặc thù.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về nghệ thuật trang trí hoa văn triều Nguyễn

1.1.2.1. Tình hình trong nước

Các khảo cứu trước năm 1945, chủ yếu của học giả Pháp và quốc tế tập trung ghi chép và phân tích mỹ thuật Huế từ góc nhìn lịch sử - dân tộc học, đặt nền tảng tư liệu quan trọng cho việc nghiên cứu mỹ thuật cung đình nhưng ít đề cập đến trang phục. Trong đó, tạp chí Bulletin des Amis du Vieux Hué (B.A.V.H) và chuyên khảo *L'Art à Hué* (1919) của Léopold Michel Cadière là nguồn tư liệu tiêu biểu như một “tư điển bằng tranh” giúp nhận diện hệ thống hoa văn triều Nguyễn, dù lĩnh vực hoa văn trên áo Nhật Bình vẫn chưa được nghiên cứu sâu.

Từ sau năm 1945 đến trước Đổi mới, các nghiên cứu mỹ thuật triều Nguyễn chủ yếu mang tính khởi đầu trong việc hệ thống hoá tiến trình lịch sử mỹ thuật Việt Nam, trong đó hoa văn trang trí chỉ được đề cập như một phần phụ trong các khảo cứu văn hóa - mỹ thuật tổng thể. Các công trình của Nguyễn Phi Hoanh (1970, 1984); Nguyễn Khắc Ngữ (1981); Nguyễn Quân và Phan Cẩm Thượng (1989); Nguyễn Du Chi (2001, 2003) góp phần nhận diện mỹ thuật truyền thống.

Giai đoạn gần đây, các học giả tiếp cận theo hướng liên ngành và biểu tượng học, góp phần làm rõ hơn giá trị sáng tạo và bản sắc thẩm mỹ thời kỳ này. Nổi bật các nghiên cứu của Trần Lâm Biền (2018);

Chu Quang Trứ (2000); Triệu Thế Hùng (2013) về hệ thống biểu tượng và tạo hình truyền thống Việt Nam. Các nghiên cứu của Nguyễn Hữu Thông (2023); Huỳnh Thị Anh Vân (2003); Phương Linh (2007); Phan Thanh Bình (2010); Đào Thị Thuý Anh (2011); Phạm Minh Hải (2021) tiếp tục hướng phát triển phân tích theo hướng biểu tượng học trong mỹ thuật triều Nguyễn. Trong khi đó, Trần Thị Hoài Diễm (2019); Nguyễn Minh Khôi (2022); Phan Lê Chung (2022) khảo sát ngôn ngữ tạo hình qua chất liệu đá, sành, sứ, kim loại. Các nghiên cứu này góp phần định hình đặc trưng thẩm mỹ, kỹ thuật và tư tưởng của nghệ thuật triều Nguyễn, đồng thời mở ra hướng tiếp cận còn bỏ ngỏ đối với hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình dưới góc nhìn nghệ thuật học - hình tượng học.

1.1.2.2. Tình hình ngoài nước

Số lượng nghiên cứu quốc tế về hoa văn triều Nguyễn còn hạn chế, một số tài liệu đã cung cấp nền tảng lý luận và gợi mở góc nhìn so sánh có giá trị, đặc biệt trong việc mở cách tiếp cận nghệ thuật dệt thêu và biểu tượng trong trang trí mỹ thuật truyền thống khu vực. Young Yang Chung (2005), *A History of Embroidery in China, Korea, Japan, and Vietnam* khảo cứu toàn diện lịch sử nghệ thuật thêu của Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam, giúp định vị vị thế thêu Việt trong tương quan khu vực. Trong khi Phạm Hồ Mai Anh và Lee, Yonn-Soon (2008) với “A Study on the Classifications and Symbolic Meanings of Vietnamese Traditional Patterns” đã đưa ra phương pháp mã hoá - phân loại hoa văn theo biểu tượng học, mở hướng tiếp cận hữu ích cho nghiên cứu mô-típ trên áo Nhật Bình.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình

1.1.3.1. Tình hình trong nước

Các nghiên cứu gần đây chuyển hướng từ tiếp cận lịch sử - văn hóa sang nghệ thuật học và ngôn ngữ tạo hình, tập trung vào nguyên

lý bố cục, thẩm mỹ, hệ hoa văn và phong cách trang trí thẩm mỹ cung đình. Hướng tiếp cận này tạo nền tảng tham chiếu cho việc nghiên cứu hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình, cho phép đối chiếu đặc trưng tạo hình, thẩm mỹ và sự kế thừa phong cách trang trí của mỹ thuật triều Nguyễn. Các công trình tiêu biểu của Trịnh Quang Vũ (2007), *Trang phục Triều Lê - Trịnh*; Phan Lê Chung (2020), “Một số nguyên tắc trang trí cơ bản trong trang phục triều Nguyễn - từ góc độ mỹ thuật tạo hình, Huế”; Vũ Huyền Trang (2023), *Nghệ thuật trang trí trên áo lễ phục cung đình triều Nguyễn (1802-1945)*; Trần Minh Nhật (2022), *Nghệ thuật minh họa áo mũ thời Nguyễn đầu thế kỷ XX* đánh dấu xu hướng dịch chuyển từ khảo tả sang tiếp cận ngôn ngữ thị giác và phân tích nghệ thuật học. Song song, các nghiên cứu về hoa văn trên trang phục dân tộc cũng bổ sung mô hình biểu tượng học và dân tộc học cho phân tích hoa văn như của Diệp Trung Bình (2005); Trần Từ (2018); Nguyễn Khắc Tụng và Nguyễn Anh Cường (2011); Nguyễn Thị Huyền Nhung (2016); Phan Thị Phượng và Phạm Tất Thành (2019) làm rõ mối liên hệ giữa hình thức tạo hình và tư duy văn hoá qua hoa văn dệt của các dân tộc thiểu số, đồng thời cung cấp khung tham chiếu liên ngành về kỹ thuật, bố cục và biểu tượng học cho nghiên cứu hoa văn trên áo Nhật Bình.

1.1.3.2. Tình hình ngoài nước

Ở góc độ quốc tế, cho đến nay chưa có nhiều công trình trực tiếp đề cập đến hoa văn trên áo Nhật Bình triều Nguyễn. Tuy nhiên, một số nghiên cứu về hoa văn trên trang phục truyền thống và lễ phục cung đình của các quốc gia châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản hay Hàn Quốc đã cung cấp khung phương pháp luận, và mô hình phân tích có giá trị tham chiếu cho luận án. Những công trình này tập trung lý giải cấu trúc biểu tượng, quy luật tạo hình và ngôn ngữ thẩm mỹ trong nghệ thuật trang trí truyền thống, đồng thời mở rộng hướng ứng dụng hoa văn vào thiết kế đương đại và công nghiệp văn hóa sáng tạo. Nhờ vậy,

chúng tạo tiền đề để đối sánh và soi chiếu đặc trưng hệ thống hoa văn trên áo Nhật Bình trong tổng thể mỹ thuật cung đình Việt Nam.

1.1.4. Đánh giá tình hình nghiên cứu đề tài

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về áo Nhật Bình và hoa văn triều Nguyễn, hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình vẫn chưa được khảo cứu độc lập. Khoảng trống này cho thấy cần thiết phải nghiên cứu chuyên sâu về đặc trưng tạo hình và giá trị biểu tượng của hệ hoa văn này trong mối liên hệ với mỹ thuật cung đình triều Nguyễn.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Khái niệm sử dụng

Trong phạm vi nghiên cứu, khái niệm trung tâm là “*hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình*” bao hàm cả “*hoa văn*”, “*trang trí*” và “*áo Nhật Bình*”. Việc làm rõ các khái niệm này giúp xác định nền tảng lý thuyết nhất quán trong phân tích hình thức và giá trị nghệ thuật của hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình.

- **Hoa văn**

Hoa văn là một hệ thống tạo hình, hình thành từ các mô-típ (mẫu thức) lặp lại hoặc phối hợp theo nguyên tắc bố cục và cảm quan thẩm mỹ. Đồng thời, hoa văn được hiểu như một mã biểu tượng tạo hình, đảm nhiệm hai chức năng: trang trí bề mặt và truyền tải quan niệm văn hoá, tín ngưỡng cùng lý tưởng thẩm mỹ của cộng đồng trong bối cảnh lịch sử - xã hội nhất định.

- **Trang trí**

Trang trí là quá trình tổ chức và phối hợp các yếu tố tạo hình (đường nét, hình khối, màu sắc, chất liệu...) theo nguyên tắc thẩm mỹ, nhằm tăng cường hiệu quả tạo hình và giá trị nghệ thuật cho bề mặt đối tượng. Đồng thời, trang trí còn đảm nhận chức năng biểu đạt thông điệp văn hoá và tư tưởng thông qua cách lựa chọn và sắp đặt mô-típ.

- **Áo Nhật Bình**

Áo Nhật Bình được định nghĩa dựa theo quy định trong *Hội điển*,

và được xác định là một kiểu lễ phục mặc ngoài, thuộc hệ thống phẩm phục của nữ giới hoàng tộc triều Nguyễn, dành cho Hoàng thái hậu, Hoàng hậu, Hoàng phi, Công chúa, mệnh phụ và nữ quan. Đặc trưng tạo hình nổi bật là cổ áo đối khâm (對襟) - trực lĩnh (直領), được ghép thêm một bản lớn hình chữ nhật, phẳng, đặt cân xứng trước ngực; chính từ đặc điểm này mà hình thành tên gọi *Nhật Bình* (nhật 日 = hình chữ nhật, bình 平 = phẳng). Trong thực hành nghi lễ, áo Nhật Bình không tồn tại độc lập mà là một bộ phận trong hệ thống phẩm phục hoàn chỉnh, thường kết hợp với các thành phần đi kèm nhằm biểu thị địa vị và chuẩn mực thẩm mỹ của hoàng cung.

- **Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình**

Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình không chỉ được nhìn nhận như một yếu tố trang trí, mà còn là một ngôn ngữ tạo hình - biểu tượng thể hiện mối quan hệ giữa nghệ thuật, nghi lễ và quyền uy trong không gian văn hoá cung đình triều Nguyễn, đồng thời phản ánh trật tự xã hội và cấu trúc quyền năng giới của phụ nữ triều đình Nguyễn.

1.2.2. Lý thuyết áp dụng

1.2.2.1. Lý thuyết Hình tượng học (Iconology)

Lý thuyết hình tượng học (Iconology) bắt nguồn từ lĩnh vực lịch sử nghệ thuật và tập trung nghiên cứu về sự hình thành, chủ đề, ý nghĩa của các hình tượng, biểu tượng, và hình ảnh trong nghệ thuật - văn hóa. Panofsky phát triển lý thuyết này qua ba công trình tiêu biểu: *Logo* (1932); *Studies in Iconology* (1939); *Meaning in the Visual Arts* (1955); Trong giai đoạn này, sau khi rời Đức Quốc xã sang Hoa Kỳ, Panofsky viết *Studies in Iconology* (1939) và trở thành học giả hàng đầu trong lịch sử nghệ thuật Hoa Kỳ. Trong nghiên cứu này, lý thuyết hình tượng học được vận dụng để phân tích hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình theo ba cấp độ: *Cấp độ 1 (mô tả)*: nhận diện tiền biểu tượng, phân loại đề tài và hình thức nghệ thuật (đường nét, hình mảng, bố cục, màu sắc, mật độ, vị trí trang trí, chất liệu và kỹ thuật); *Cấp độ 2 (phân*

tích): giải mã biểu tượng học, làm rõ ý nghĩa các mô-típ trong mối liên hệ với lịch sử, văn hóa và quy ước biểu tượng; *Cấp độ 3 (diễn giải)*: tiếp cận hình tượng học, xem xét hoa văn như sự phản ánh giá trị xã hội - tôn giáo triều Nguyễn; trên cơ sở đó luận giải về các giá trị thẩm mỹ, tư tưởng đạo đức, giới tính, vũ trụ quan và triết lý sống của thời đại. Tuy nhiên, lý thuyết này thiên về diễn giải biểu tượng mang tính tôn giáo, luận án tiếp tục tham chiếu các quan điểm liên ngành về nghệ thuật, trang trí nhằm hoàn thiện phân tích toàn diện.

1.2.2.2. Một số luận điểm trong nghệ thuật và trang trí

Ba luận điểm nghệ thuật được vận dụng nhằm mở rộng lý thuyết hình tượng học sang phân tích hình thức và cấu trúc tạo hình của hoa văn áo Nhật Bình. Thứ nhất, nguyên tắc “thống nhất trong đa dạng” (Harold Osborne) lý giải bố cục đối xứng, nhịp điệu và sự hài hòa phức hợp của hoa văn cung đình. Thứ hai, quan điểm của Graham Collier khẳng định hình thức là phương tiện biểu đạt giá trị thẩm mỹ và quyền uy, còn Christopher Dresser nhấn mạnh mối quan hệ giữa công năng, chất liệu và kỹ thuật, giúp lý giải tính quy phạm - biểu tượng của nghệ thuật trang trí triều Nguyễn.

1.2.2.3. Quan điểm về khuôn mẫu giới

Nghiên cứu vận dụng quan điểm khuôn mẫu giới như một lăng kính bổ sung cho hình tượng học, nhằm lý giải cách hoa văn trên áo Nhật Bình phản ánh tư tưởng, quyền năng và vai trò xã hội của phụ nữ trong cung đình Nguyễn. Dưới ảnh hưởng của Nho giáo, các họa tiết, màu sắc và bố cục vừa biểu đạt nữ tính, vừa thể hiện trật tự lễ nghi và phẩm vị. Qua đó, hoa văn trở thành công cụ tạo hình tái hiện và truyền tải hình ảnh người phụ nữ lý tưởng trong hệ giá trị thẩm mỹ, đạo lý của triều Nguyễn.

1.2.3. Khung phân tích

Khung phân tích của nghiên cứu được xây dựng trên lý thuyết hình tượng học (Iconology), các luận điểm về nghệ thuật, trang trí và

khuôn mẫu giới đã được trình bày, nhằm giải quyết các câu hỏi nghiên cứu theo hướng liên ngành. Mô hình gồm hai tầng: Tầng thứ nhất nhận diện nội dung và hình thức biểu đạt của hoa văn (đề tài, ý nghĩa biểu tượng, đường nét, bố cục, màu sắc...), tầng thứ hai phân tích đặc trưng nghệ thuật và giá trị biểu trưng. Cấu trúc này giúp luận án làm rõ mối quan hệ giữa yếu tố tạo hình, tư tưởng thẩm mỹ và bối cảnh văn hoá xã hội triều Nguyễn.

1.3. Khái quát về áo Nhật Bình triều Nguyễn

1.3.1. Lược sử áo Nhật Bình triều Nguyễn

Nghiên cứu hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình đặt trong bối cảnh lịch sử - xã hội triều Nguyễn, khi Nho giáo chi phối hệ tư tưởng, lễ nghi và quy chế phẩm phục. Dưới thời vua Minh Mạng (1820-1841), bộ máy chính quyền được tổ chức, hoàn chỉnh, tạo nền tảng cho việc chuẩn hoá trang phục cung đình. Từ giai đoạn năm 1802-1884, Tam giáo đồng nguyên và quy định thẩm mỹ mang tính quy phạm định hình hệ biểu tượng và tạo hình của phẩm phục. Giai đoạn 1884-1945, sự giao thoa giữa văn hóa Đông - Tây, dưới ảnh hưởng của thuộc địa làm thay đổi thị hiếu và kỹ nghệ. Trong dòng biến chuyển đó, áo Nhật Bình - lễ phục đặc trưng của nữ giới hoàng tộc vừa tuân thủ quy chế nghi lễ, vừa phản ánh quá trình tiếp biến và bản địa hóa, trở thành biểu tượng thẩm mỹ đặc trưng của mỹ thuật cung đình triều Nguyễn.

1.3.2. Quá trình tiếp biến và Việt hóa áo Nhật Bình

Áo Nhật Bình là kết quả của quá trình tiếp biến văn hóa từ trang phục Phi Phong thời Minh (Trung Hoa), nhưng được Việt hóa cả về hình thức lẫn ý nghĩa biểu tượng. Các yếu tố như cổ áo đối khâm được mở rộng thành bản vuông; bố cục hoa văn chuyển từ dạng phân tán sang đối xứng - trục, gắn với quy luật Âm dương - Ngũ hành; họa tiết được thu nhỏ, giản lược, thay thế bằng các mô típ quen thuộc với văn hóa Việt như hoa sen, trái bầu, hoa dây. Quá trình Việt hóa đạt đến mức hoàn chỉnh khi Nhật Bình được quy định trong *Khâm định Đại*

Nam hội điển sự lệ, xác lập rõ đối tượng, màu sắc và mật độ hoa văn theo phẩm trật.

1.3.3. Phân loại áo Nhật Bình

Hệ thống áo Nhật Bình triều Nguyễn phản ánh rõ cấu trúc phẩm phục, thứ bậc và tư tưởng thẩm mỹ, chính trị của cung đình, được quy định chặt chẽ trong *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ* và được thể hiện cụ thể qua từng cấp bậc từ Hoàng thái hậu, Hoàng hậu, Công chúa, Cung giai, Mệnh phụ, Nữ quan đến dân gian. Mỗi cấp áo mang đặc trưng riêng về chất liệu, màu sắc, bố cục hoa văn, kỹ thuật thêu và biểu tượng, tạo nên một hệ thống phân cấp mang tính nghi lễ và biểu trưng.

Tiểu kết

Hoa văn trên áo Nhật Bình được hình thành và phát triển trong bối cảnh văn hoá - nghệ thuật, tư tưởng Nho giáo, Tam giáo đồng nguyên và trật tự quyền lực giới. Với vai trò vượt khỏi chức năng trang trí, hệ thống hoa văn vận hành như một mã biểu tượng tạo hình, phản ánh trật tự xã hội, hệ giá trị và lý tưởng thẩm mỹ của thời đại. Quá trình tiếp biến và bản địa hoá các mô thức ngoại lai, đã góp phần định hình kiểu thức áo Nhật Bình như biểu trưng cho bản sắc nghệ thuật cung đình Việt Nam.

Chương 2

NHẬN DIỆN HOA VĂN TRANG TRÍ TRÊN ÁO NHẬT BÌNH TRIỀU NGUYỄN

2.1. Đề tài và ý nghĩa biểu tượng của hoa văn

2.1.1. Đề tài hoa văn

2.1.1.1. Đề tài hoa văn động vật

Trong hệ thống hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình, nhóm hoa văn động vật chiếm tỷ trọng lớn và giữ vai trò nổi bật trong tổ chức bố cục. Số lượng họa tiết thuộc nhóm này dao động từ 54 đến 63 hình trên các áo của Hoàng thái hậu đến mệnh phụ phu nhân cấp cao, trong khi áo cấp thấp còn khoảng hơn 30 hình. Hệ thống động vật linh trên áo

Nhật Bình gồm phượng, rùa, hạc, đôi cùng các loài cát tường như cá, bướm, được thể hiện với đa dạng về tạo hình và vị trí trang trí.

2.1.1.2. Đề tài hoa văn thực vật và yếu tố tự nhiên

Trong hệ hoa văn trên áo Nhật Bình, các yếu tố thiên nhiên như hoa lá, quả trái, mây, sóng nước, núi,... được thể hiện như những hình tượng vừa gần gũi, vừa biểu trưng cho tư duy hoà hợp giữa con người và vũ trụ. Nhóm đề tài này gồm ba tiểu nhóm: thực vật; hiện tượng tự nhiên - vũ trụ; địa chất và khoáng vật.

2.1.1.3. Đề tài hình học

Nhóm đề tài hình học xuất hiện ổn định và đa dạng. Đối lập với các mẫu hoa văn tự nhiên, hoa văn hình học là những cách biểu hiện trừu tượng của các đối tượng trong tự nhiên. Chúng được tạo ra từ các đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc, hình vuông, hình tròn... thông qua sơ đồ hóa để chuyển tải các yếu tố tự nhiên thành những hình thức cơ bản và dễ nhận diện.

2.1.1.4. Đề tài Hán tự

Hệ thống Hán tự cách điệu, được lồng ghép vào các đồ án trang trí mang tính phối hợp, vừa là hình vừa là chữ, kết hợp chặt chẽ giữa ngôn ngữ tạo hình và ngôn ngữ ngữ nghĩa. Tiêu biểu là cát tường tự văn như chữ Thọ, chữ Vạn, vốn mang hàm nghĩa những lời chúc tụng, niềm vui, điềm lành và may mắn cho con người. Ngoài chức năng trang trí, chúng đồng thời đóng vai trò như các biểu tượng thể hiện tư tưởng triết lý và là dạng minh văn phổ biến trong trang trí Huế.

2.1.1.5. Đề tài bát bửu

Trong hệ thống hoa văn trên áo Nhật Bình, nhóm vật dụng biểu trưng tiêu biểu là *bát bửu* xuất hiện với hình thức tổ hợp tám món đồ quý gắn với lời chúc cát tường về ước vọng về phúc lành, trí tuệ, tài lộc và sự trường tồn. Đây là một trong những kiểu thức phổ biến trong hệ trang trí truyền thống, như L. Cadière đã nhận xét “trong những họa tiết được xem là các món tĩnh vật, bộ *bát bửu* được thể hiện thường

xuyên nhất”.

2.1.2. Ý nghĩa biểu tượng

2.1.2.1. Trục biểu tượng phúc - thọ - cát tường

Trục biểu tượng này hướng đến ước vọng hạnh phúc, trường tồn và thịnh vượng được thể hiện qua dơi, bướm, chữ Thọ, chữ Vạn, hoa mai... và được phân tầng theo cấp bậc nghi lễ. Các mô-típ quy tụ vào ba nhóm: phúc lành - may mắn; trường thọ - bất tử; và mùa xuân và tái sinh.

2.1.2.2. Trục biểu tượng giới - nữ tính - phồn thực

Các hình tượng như bướm, hoa dây, quả lựu, bầu, đào, mẫu đơn và hoa hồng diễn giải lý tưởng nữ tính, thiên chức sinh dưỡng và vẻ đẹp phú quý, kết hợp giữa tư tưởng phồn thực Á Đông và quan niệm nữ tính hiện đại.

2.1.2.3. Trục biểu tượng trí tuệ - đạo đức - lý tưởng Nho giáo

Hình tượng như chim phượng, cá chép, hoa mai, địa lan, trúc hay hoa cúc,... đã được tổ chức như một trục ngữ nghĩa minh triết, phản ánh quan niệm về trí tuệ, đạo đức, và lý tưởng Nho gia trong văn hoá cung đình.

2.1.2.4. Trục biểu tượng vũ trụ - thiên nhiên - vĩnh cửu

Hình tượng rùa, hoa mai, hoa sen, hoa cúc, hoa hồng và các yếu tố tự nhiên như mây, sóng, mặt trăng biểu trưng cho sự hài hòa âm - dương, sinh - diệt - tái sinh của vũ trụ, và diễn giải triết lý vũ trụ quan và nhân sinh quan phương Đông trong ngôn ngữ tạo hình hoa văn.

2.2. Hình thức nghệ thuật của hoa văn trang trí

2.2.1. Đường nét và hình mảng

Hệ thống đường nét đa dạng về hình thái và phương hướng, bao gồm: nét thẳng, nét chéo, nét cong đều, nét uốn lượn, nét xoắn ốc, nét ngắn và nét dài. Mối quan hệ giữa đường nét và hình mảng giữ vai trò chủ đạo trong cấu trúc tạo hình: nét tạo khuôn dạng và là yếu tố tổ

chức bề mặt, dẫn hướng chuyển động hình. Bốn kiểu nét chính trong tạo hình hoa văn: (1) nét liền kề nhau tạo thành mảng đặc; (2) nét viền hình dạng; (3) nét đơn tuyến cho họa tiết hình học; (4) nét tạo nổi khối.

2.2.2. Mật độ và vị trí của hoa văn

Mật độ và vị trí hoa văn trên áo Nhật Bình phản ánh rõ quy tắc thẩm mỹ, phẩm bậc của cung đình triều Nguyễn. Mỗi áo chứa trung bình hơn 100-170 họa tiết, song vẫn tuân thủ bố cục nghiêm ngặt, thể hiện thứ bậc xã hội qua mức độ dày đặc và kích thước hoa văn: phẩm cấp càng cao, mật độ và sự phong phú càng lớn.

2.2.3. Bố cục

Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình vận hành theo bố cục tổng thể đối xứng theo trục dọc trung tâm, tổ chức theo “lưới” với các dải lặp ngang, dọc, chéo để tạo sự cân bằng. Ở cấp cục bộ, mô-típ triển khai linh hoạt: đối xứng tâm (gương, xoay) như phượng châu nguyệt, tịnh tiến dải (đường diềm, hồi văn) và bất đối xứng (phượng phi, phượng ổ vên) để tăng độ động. Bố cục theo cụm giả định (tam giác, chia bốn, khung vuông) dùng cho tổ hợp lớn như tam sơn, bát bửu, tứ thời, đảm bảo phân bố nhịp điệu và điểm tụ trong đồ án hoa văn. Nhìn từ hình tượng học, hệ bố cục vừa mang tính quy phạm vừa mở, phản ánh quan niệm hài hoà Thiên - Địa - Nhân, phẩm vị và đức hạnh.

2.2.4. Màu sắc

Màu sắc là một trong những yếu tố định hình phong cách thẩm mỹ, vừa quy định phẩm trật, vừa thể hiện tư tưởng vũ trụ - nhân sinh theo thuyết Ngũ hành - Ngũ sắc. Hệ màu được tổ chức theo ba lớp: màu nền phân định cấp bậc, màu trung gian điều tiết hài hoà màu sắc tổng thể và màu nhấn làm nổi bật mô-típ chính. Việc phối màu theo nguyên lý Ngũ hành tương sinh làm nên bản sắc mỹ thuật Nguyễn với màu sắc là yếu tố tạo hình, đồng thời là ngôn ngữ biểu tượng của quyền uy, chuẩn mực và thẩm mỹ cung đình.

2.2.5. Chất liệu và kỹ thuật

Áo Nhật Bình được chế tác trong hệ thống quan xưởng triều Nguyễn với phân công 13 hạng thợ, sử dụng chất liệu chủ đạo gồm sa, gấm, lụa (kèm chỉ kim tuyến và chỉ tơ ngũ sắc). Nguồn vải gồm cả sản xuất nội địa (Vạn Phúc, La Khê, Đông Cứu...) và nhập khẩu, phân hạng rõ theo phẩm bậc. Kỹ thuật trang trí gồm dệt, thêu và dệt giả thêu, trong đó kỹ thuật thêu chiếu ưu thế (thêu chặn bắt kim tuyến, thêu độn, thêu nhồi vẩy, “đậu bông” ghép mảng) tạo khối và độ lấp lánh.

Tiểu kết

Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình được định hình như một hệ ngôn ngữ tạo hình quy phạm, trong đó hình thức, biểu trưng và tư tưởng vận hành trong mối quan hệ thống nhất, phản ánh trật tự xã hội, quan niệm đạo đức và mỹ cảm của thời đại. Hệ thống hoa văn đa dạng (động - thực vật, tự nhiên - vũ trụ, hình học, Hán tự và *bát bửu*) quy tụ quanh các trục biểu tượng như *phúc - thọ - cát tường; trí tuệ - đạo đức - lý tưởng Nho giáo; giới - nữ tính - phồn thực; vũ trụ - thiên nhiên - vĩnh cửu* thể hiện tư duy biểu trưng đa tầng nghĩa. Tổng thể, hoa văn trên áo Nhật Bình kết hợp dung hoà quy phạm điển chế với sáng tạo dân gian, hình thành phong cách tạo hình riêng biệt và là nền tảng lý luận cho phân tích giá trị nghệ thuật, biểu tượng và thẩm mỹ cung đình triều Nguyễn.

Chương 3

ĐẶC TRƯNG, GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT VÀ LUẬN BÀN VỀ HOA VĂN TRANG TRÍ TRÊN ÁO NHẬT BÌNH TRIỀU NGUYỄN

3.1. Đặc trưng nghệ thuật hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình

3.1.1. Tập hợp nét trong hoa văn chủ đạo là đường cong

Tư duy tạo hình phương Đông đặt trọng tâm vào biểu đạt “thần” hơn “hình”, hướng đến sự hòa hợp giữa con người và tự nhiên thay vì sao chép hiện thực. Quan niệm này chi phối cách xử lý đường nét trong hoa văn áo Nhật Bình: thiên nhiên được quy ước và cách điệu, biểu đạt sức sống qua nhịp lượn, thể xoay, độ lan tỏa. Đường nét trở thành công

cụ thể hiện tinh thần và vận động nội tại của vạn vật, không nhằm mô phỏng mà để biểu cảm. Nghệ nhân triều Nguyễn cô đọng hình thể, sử dụng tuyến cong, mềm, liên hoàn để kiến tạo nhịp điệu tạo hình và phẩm chất nữ tính. Các đường cong chữ S, xoắn ốc, thuy ba hay phượng xoè đuôi vừa tạo sự uyển chuyển, vừa biểu đạt quyền uy qua vẻ duyên dáng và tiết chế. Nhờ kỹ thuật thêu nổi và sợi kim tuyến phản quang, đường nét tạo hiệu ứng ánh sáng - bóng tối, khiến bề mặt sống động như có chuyển động. Ngôn ngữ đường nét, từ chức năng trang trí, đã phát triển thành biểu tượng thẩm mỹ của quyền uy nữ giới, đồng thời thể hiện phong cách tạo hình đặc trưng của mỹ thuật cung đình triều Nguyễn với sự mềm mại được nâng thành chuẩn mực của vẻ đẹp và sự cao quý.

3.1.2. Tổ chức bố cục phân tầng và đa hướng

Bố cục hoa văn trên áo Nhật Bình vận hành theo hai cơ chế chủ đạo: phân tầng và đa hướng, tạo nên không gian động, có chiều sâu và đạt sự hài hòa. Phân tầng giúp hình - nền luân phiên nổi - lùi, thiết lập quan hệ đa lớp, thể hiện qua ba dạng: biểu hình (trưng phản sáng - tối), trang trí (trải đều sắc độ) và tranh chấp hình - nền (biến đổi theo ánh sáng). Cùng với đó, nguyên lý đối xứng - đối ứng duy trì sự cân bằng động theo triết lý Âm - Dương: đối xứng tạo trật tự và nghi lễ, còn đối ứng đem lại linh hoạt và biểu cảm. Chuỗi lặp hoa văn (phượng, hoa, sóng nước, bát bửu) vận hành theo “trật tự mở”, hình thành nhịp điệu liên tục giữa các mô-típ, vừa đồng nhất vừa biến hóa. Song song, cơ chế đa hướng ở cả vi mô và vĩ mô nhằm mở ra không gian phi tuyến tính theo phép thấu thị tam viễn (cao, thâm, bình viễn), cho phép cảm nhận hoa văn từ nhiều điểm nhìn đồng thời. Chính cơ chế này định hình một bố cục đạt được sự cân bằng giữa tĩnh và động, giữa quy phạm và tự nhiên, phản ánh tư duy thẩm mỹ phương Đông và quan niệm hài hòa vũ trụ của mỹ thuật cung đình triều Nguyễn.

3.1.3. Phong cách trang trí nổi khối trong tạo hình hoa văn

Hoa văn trên áo Nhật Bình mang phong cách tối đa hoá đặc trưng trong nghệ thuật tạo hình: mật độ dày đặc chi tiết, nhiều lớp, phản ánh thị hiếu cung đình, kỹ thuật thêu kim tuyến để tạo hiệu ứng nổi khối và ánh kim gắn với quyền lực hoàng gia. Các kỹ thuật thêu như “chặn bắt vàng”, thắt thịt, khoán vảy,... tạo cao độ bề mặt, tăng tương phản sáng - tối và khả năng bắt sáng đa hướng, khiến chim phượng, thủy ba, mây... như chuyển động theo góc nhìn. Sự đối lập chất liệu giữa chỉ tơ mềm, mịn và khả năng bắt sáng của sợi kim tạo hiệu ứng khối và chiều sâu không gian, được củng cố bởi phối màu tạo khối (đơn sắc - tương đồng, bổ túc nóng/lạnh nhằm làm nổi mô-típ chính và đẩy nền lùi xa. Tổng thể, bề mặt trang trí đạt đến sự rục rờ nhưng cân bằng, với đường nét, chất liệu và màu sắc cộng hưởng, góp phần định hình bản sắc mỹ thuật cung đình triều Nguyễn.

3.2. Giá trị nghệ thuật của hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình

Giá trị nghệ thuật của hoa văn trên áo Nhật Bình thể hiện ở khả năng dung hòa giữa nghi lễ và sáng tạo thẩm mỹ, giữa quy phạm và biểu đạt nghệ thuật. Trong mỹ thuật cung đình triều Nguyễn, áo Nhật Bình được xem như một không gian biểu đạt quyền lực, phản ánh tư tưởng về trật tự vũ trụ, đạo lý nhân sinh và biểu tượng giới. Giá trị tạo hình được khẳng định qua kỹ thuật thêu tinh xảo, sự tiết chế trong bố cục và màu sắc, tính cân đối giữa sự đồng nhất và đa dạng. Về phong cách, hoa văn trên áo Nhật Bình là sản phẩm bản địa hoá tinh tế: kế thừa di sản các triều đại trước, chuẩn hoá mô-típ dân gian thành ký hiệu nghi lễ, đồng thời tiếp nhận chọn lọc yếu tố phương Tây cuối thế kỷ XIX. Phong cách này thể hiện tính thanh nhã, tiết chế khác biệt rõ với nghệ thuật Trung Hoa phô trương.

Trong đời sống đương đại, hoa văn Nhật Bình tiếp tục được tái hiện và chuyển hoá trong đời sống đương đại, trở thành một ngôn ngữ

thẩm mỹ có khả năng thích ứng, biểu trưng cho bản sắc, nữ tính và quyền uy mang tinh thần Việt.

3.3. Luận bàn về hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình

3.3.1. Hoa văn trong tương quan đồng đại và lịch đại

Hoa văn trên áo Nhật Bình khi đối chiếu trong tương quan đồng đại và lịch đại, cho thấy quá trình chuẩn hoá và cung đình hoá của mỹ thuật triều Nguyễn. Hoa văn trên áo Nhật Bình mang ngôn ngữ tạo hình mềm mại, uyển chuyển, biểu trưng cho tính âm và đức hạnh, đối lập với tính dương - quyền lực của lễ phục nam giới. Hệ mô-típ phượng, tứ quý, bát bửu... cùng bố cục Thiên - Địa - Nhân và kỹ nghệ thêu thể hiện rõ quy phạm thẩm mỹ và phẩm bậc cung đình. Ở bình diện lịch đại cho thấy hoa văn trên áo Nhật Bình kế thừa nhiều yếu tố từ Lý - Trần - Lê - Trịnh, nhưng đạt đến mức hệ thống hoá cao, với yếu tố dân gian, biến hoa văn thành ngôn ngữ tạo hình cung đình, vừa biểu đạt quyền năng nữ giới vừa tạo lập bản sắc thẩm mỹ riêng của vương triều Nguyễn.

3.3.2. Biểu tượng quyền năng và giới trong hoa văn

Hoa văn trên áo Nhật Bình biểu đạt quyền năng mềm và lý tưởng giới của phụ nữ cung đình triều Nguyễn thông qua hệ hình tượng được lý tưởng hoá như phượng, hạc, rùa, hoa cúc, mẫu đơn, sen, lựu, bầu... Chim phượng giữ vị trí trung tâm, tượng trưng cho đức hạnh, thái bình, và phẩm cấp, đồng thời gắn với cấu trúc số học (5-7-9) như mã hiệu phân bậc trên cổ áo. Bên dưới lớp nghi lễ Nho giáo, hệ hoa văn phản ánh tư tưởng Đạo Mẫu về quyền năng sinh dưỡng và bảo hộ của nữ giới. Nhờ đó, chúng không chỉ phản ánh chuẩn mực đạo đức và quyền uy trong nội cung, mà còn khắc họa hình tượng người phụ nữ Việt thanh nhã, đoan dung và cốt cách tinh thần.

3.3.3. Tư tưởng Tam giáo đồng nguyên trong hệ biểu tượng

Hoa văn trên áo Nhật Bình phản ánh tư tưởng Tam giáo đồng nguyên qua việc kết hợp các mô-típ Nho - Phật - Đạo thành một hệ biểu tượng thống nhất. Các hình tượng như phượng, hoa mai, chữ Thọ,

chữ Vạn, hoa sen, tam sơn thủy ba hay bát bửu biểu đạt triết lý Âm - Dương và Thiên - Địa - Nhân, đồng thời thể hiện phẩm bậc, đức hạnh, giác ngộ và trường sinh. Đặc biệt, bát bửu vận hành như tổ hợp giao thoa của ba hệ tư tưởng. Sự dung hòa tư tưởng và tạo hình này giúp hoa văn trên áo Nhật Bình vượt khỏi giới hạn trang trí, trở thành một “mã biểu tượng” thể hiện tinh thần dung hợp tôn giáo, triết học và mỹ học đặc trưng của văn hóa Việt Nam thế kỷ XIX.

Tiểu kết

Hoa văn trên áo Nhật Bình triều Nguyễn thể hiện sự cân bằng giữa tính quy phạm nghi lễ và sáng tạo nghệ thuật, hình thành ngôn ngữ tạo hình đặc trưng với đường nét cong uyển chuyển, bố cục phân tầng, đa hướng và phong cách nổi khối ánh kim. Sự kết hợp giữa kỹ thuật thêu tinh xảo, bảng màu ngũ sắc Huế và sự dung hòa yếu tố dân gian, ngoại lai, đã tạo nên hệ hoa văn hài hoà, tinh tế và giàu chất cảm. Qua đó, nó trở thành ngôn ngữ nghệ thuật đặc thù, biểu đạt bản sắc thẩm mỹ cung đình và sức sống bền vững của di sản trong thời hiện đại.

KẾT LUẬN

Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình triều Nguyễn (1802-1945) hình thành như một hệ ngôn ngữ tạo hình quy phạm, phản ánh trật tự cung đình, đạo lý và vũ trụ quan của thời đại, đồng thời biểu đạt tư tưởng, thẩm mỹ và quyền năng nữ giới. Quá trình bản địa hoá từ áo Phi phong Trung Hoa cho thấy khả năng chọn lọc và chuyển hoá của mỹ thuật Việt: kiểu dáng, bố cục, và mô-típ được tái cấu trúc theo quy chuẩn chung đình, tạo nên bản sắc riêng của phẩm phục nữ giới.

Hệ thống hoa văn tổ chức theo bố cục phân tầng, đối xứng, đa hướng; với đường nét cong chủ đạo, phối sắc ngũ hành và kỹ thuật thêu kim tuyến nổi khối. Nhờ sự cộng hưởng của chất liệu, ánh sáng và đường nét, đã biến bề mặt vải thành không gian động với hoa văn trở thành mã biểu tượng dung hợp giữa hình thức nghệ thuật và ý niệm

tư tưởng.

Bốn trục tư tưởng: Phúc - Thọ - Cát tường; Trí tuệ - Đạo đức - Lý tưởng; Giới - Nữ tính - Phồn thực; Vũ trụ - Thiên nhiên - Tôn giáo vận hành như những tầng nghĩa mở, biến hóa linh hoạt theo phẩm cấp và nghi lễ. Từ đó, hoa văn trở thành hệ biểu tượng đa tầng, có khả năng được “đọc” và “giải mã” trên nhiều bình diện từ chuẩn mực cung đình đến triết lý vũ trụ và giới tính.

Về nghệ thuật, hoa văn trên áo Nhật Bình được xác định qua ba đặc trưng tạo hình: (1) tập hợp nét trong hoa văn chủ đạo là đường cong, thể hiện quyền năng nữ giới; (2) bố cục phân tầng, đa hướng phản ánh tư duy không gian phi tuyến tính phương Đông; (3) phong cách trang trí nổi khối, ánh kim tạo hiệu ứng bề mặt sinh động. Hoa văn cũng đánh dấu sự chuyển hoá từ kỹ nghệ dân gian sang ngôn ngữ cung đình, trở thành chuẩn mực thẩm mỹ cho phụ nữ quý tộc và lan toả trong đời sống đương đại như sân khấu, điện ảnh, thời trang, tín ngưỡng và công nghiệp văn hoá sáng tạo.

Ở bình diện tư tưởng, hoa văn thể hiện Tam giáo đồng nguyên, dung hợp Nho - Phật - Đạo trong cùng một chỉnh thể biểu đạt. Cấu trúc phân tầng và mô-típ cát tường cho thấy quan niệm hài hòa âm dương, đồng thời biểu đạt “quyền năng mềm” của nữ giới qua chuẩn mực thẩm mỹ. Cơ chế dung hợp này tạo nên một trường ý nghĩa hợp nhất, vừa duy trì nghi lễ, vừa mở ra khả năng diễn giải đa tầng, một đặc trưng hiếm thấy của mỹ thuật cung đình Việt.

Tổng thể, hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình kết hợp kỹ nghệ, biểu tượng và triết lý đại diện cho phong cách thẩm mỹ Việt trong bối cảnh Á Đông. Dù tư liệu còn giới hạn, nghiên cứu này mở ra hướng tiếp cận liên ngành giữa nghệ thuật học, biểu tượng học và công nghệ số, góp phần để hệ hoa văn trên áo Nhật Bình được kế thừa, biến hoá và phát huy giá trị trong đời sống hiện đại.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Lê Thị Hà (2022), “Một số lý thuyết nghiên cứu lịch sử nghệ thuật hiện nay”, *Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh năm 2021*, Nxb Thế Giới, Hà Nội, tr.145-156.

2. Lê Thị Hà (2022), “Bản sắc văn hóa trong thiết kế thời trang thời kỳ hội nhập”, *Kỷ yếu hội thảo Khoa học toàn quốc - Đào tạo nghệ thuật trong tiến trình hội nhập và phát triển hiện nay*, Nxb Đại học Huế, tr.346-353.

3. Lê Thị Hà, Đặng Thu Phương, Bùi Mai Trinh (2024), “Towards sustainable products and services: The influence of traditional costumes in promoting sustainable fashion” (Hướng tới sản phẩm và dịch vụ bền vững: Ảnh hưởng của trang phục truyền thống trong việc thúc đẩy thời trang bền vững), *Sustainability*, 16 (22), <https://doi.org/10.3390/su16229800>.

4. Lê Thị Hà (2025), “Hoa văn trang trí trên áo Nhật Bình của Đoàn Huy Hoàng thái hậu triều Nguyễn (1802-1945)”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 593, tháng 1, tr.106-110.